

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 855/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nhiệm vụ
và dự toán kinh phí thực hiện Điều tra thống kê quốc gia
Năng lực sản xuất của sản phẩm công nghiệp năm 2024

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 85/2017/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống tổ chức thống kê tập trung và thống kê bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện

Phê duyệt nhiệm vụ Điều tra thống kê quốc gia Năng lực sản xuất của sản phẩm công nghiệp năm 2024 và dự toán kinh phí thực hiện là 2.450.000.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Giá trị dự toán trên chỉ làm cơ sở để phê duyệt dự toán và bố trí nguồn kinh phí thực hiện, không phải là số thanh, quyết toán kinh phí. Đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện đúng nội dung nhiệm vụ; sử dụng kinh phí đúng chế độ, định mức và chịu trách nhiệm thanh quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu điều tra

Điều tra thống kê quốc gia Năng lực sản xuất của một số sản phẩm công nghiệp trên phạm vi toàn quốc nhằm thu thập thông tin thống kê đáp ứng các mục tiêu chủ yếu sau:

- Đánh giá khả năng sản xuất một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu trong cả nước, từng địa phương, các nhà đầu tư và doanh nghiệp.

- Phục vụ công tác quản lý, hoạch định chính sách, xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh ngắn hạn và dài hạn của một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu.

- Tổng hợp chỉ tiêu “Năng lực sản xuất của sản phẩm công nghiệp” trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Công Thương.

- Cập nhật Cơ sở dữ liệu Năng lực sản xuất của sản phẩm công nghiệp và Cơ sở dữ liệu thống kê ngành Công Thương.

Điều 3. Nghĩa vụ và trách nhiệm

- Giao nhiệm vụ cho Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì và là đầu mối phối hợp với các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện theo Phương án điều tra đã được phê duyệt (*Phương án điều tra kèm theo*).

- Doanh nghiệp, cơ sở kinh tế được chọn điều tra có nghĩa vụ và trách nhiệm báo cáo đầy đủ, chính xác, kịp thời những thông tin trong Phiếu thu thập thông tin.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các doanh nghiệp, cơ sở kinh tế được chọn điều tra và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

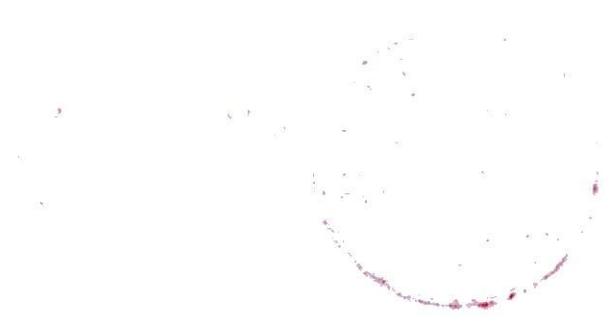
Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Tổng cục Thống kê (để phối hợp);
- Bộ Tài chính (để phối hợp);
- Bộ Xây dựng (để phối hợp);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (để phối hợp);
- UBND tỉnh, TP trực thuộc TW (để phối hợp);
- Công thông tin điện tử BCT;
- Lưu: VT, KHTC (05b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phan Thị Thắng



Phụ lục

ĐIỀU TRA THÔNG KÊ QUỐC GIA NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5 ~~QP~~-BCT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ Công Thương)

TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ (1.000 đồng)	KHỐI LƯỢNG	THÀNH TIỀN (1.000 đồng)	CĂN CỨ PHÁP LÝ ÁP DỤNG ĐỂ THANH TOÁN
	TỔNG CỘNG				2 450 000	
1	Chi phí xây dựng Phương án điều tra				22 500,0	
	Xây dựng đề cương tổng quát	Đề cương	6 000,0	1,0	6 000,0	TT109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính về việc Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê,
	Xây dựng đề cương chi tiết	Đề cương	15 000,0	1,0	15 000,0	Tổng điều tra thống kê quốc gia - Khoản 1 Điều 3
	Chi lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu	1 500,0	1,0	1 500,0	
2	Thăm định phương án điều tra	Vấn bản	1 500,0	5,0	7 500,0	
3	Xây dựng Sổ tay nghiệp vụ hướng dẫn điều tra	Ngày công	1 818,2	7,0	12 727,3	TT 02/2023/TT-BKHCN ngày 8/5/2023 - Khoản 2 Điều 5 - Được tính theo quy định tại TT 03/2023/TTLT-BTC ngày 10/01/2023 về việc quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí NSNN thực hiện nhiệm vụ KHCN Điểm a Khoản 1 Điều 4
4	Sổ tay hướng dẫn điều tra	Quyển	120,0	250,0	30 000,0	TT109/2016/TT-BTC Khoản 3 Điều 3
5	Sửa đổi, nâng cấp phần mềm điều tra (Gpm)	Hợp đồng			120 358,4	
	Giá trị phần mềm nội bộ (G)				68 815,5	Công văn số 2589/BTTTT-UĐCNTT ngày 24/08/2011 về việc Hướng dẫn xác định chi phí phát triển, nâng cấp phần mềm nội bộ
	Chi phí chung (C)				44 730,1	
	Thu nhập chịu thuế tính trước (TL)				6 812,7	
6	Quản lý và duy trì phần mềm điều tra	Tháng	16 000,0	6,0	96 000,0	Theo thực tế thuế
7	Tập huấn điều tra viên				156 000,0	
7.1	Miền Bắc				28 600,0	
	Báo cáo viên	Buổi	2 000,0	2,0	4 000,0	Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 về việc Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ (1.000 đồng)	KHỐI LƯỢNG	THÀNH TIỀN (1.000 đồng)	CĂN CỨ PHÁP LÝ ÁP DỤNG ĐỂ THANH TOÁN
	Pano, hội trường	Hợp đồng	10 000,0	1,0	10 000,0	
	Photocopy tài liệu	Bộ	30,0	100,0	3 000,0	
	Nước uống	Người/ngày	40,0	100,0	4 000,0	Thông tư số 40/2017/TT- BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính về việc Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.
	Công tác phí (4 người * 2 ngày)	Người	200,0	8,0	1 600,0	
	Thuê phòng khách sạn cho giảng viên, báo cáo viên, ban tổ chức (1 đêm)	Phòng	1 000,0	3,0	3 000,0	
	Văn phòng phẩm	Bộ	30,0	100,0	3 000,0	
7.2	Miễn Trung				57 200,0	
	Báo cáo viên	Buổi	2 000,0	2,0	4 000,0	Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 về việc Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức
	Pano, hội trường	Hợp đồng	15 000,0	1,0	15 000,0	
	Photocopy tài liệu	Bộ	30,0	50,0	1 500,0	
	Nước uống	Người/ngày	40,0	50,0	2 000,0	
	Vé máy bay khứ hồi cho giảng viên, báo cáo viên, ban tổ chức (Hà Nội - Miền Trung)	Người	5 700,0	4,0	22 800,0	Thông tư số 40/2017/TT- BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính về việc Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị
	Công tác phí (4 người * 3 ngày)	Người	200,0	12,0	2 400,0	
	Thuê phòng khách sạn cho giảng viên, báo cáo viên, ban tổ chức (2 đêm)	Phòng	1 000,0	6,0	6 000,0	
	Văn phòng phẩm	Bộ	30,0	50,0	1 500,0	
	Phương tiện di chuyển				2 000,0	Thanh toán theo hóa đơn thực tế
7.3	Miễn Nam				70 200,0	
	Báo cáo viên	Buổi	2 000,0	2,0	4 000,0	Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 về việc Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức
	Pano, hội trường	Hợp đồng	20 000,0	1,0	20 000,0	
	Photocopy tài liệu	Bộ	30,0	70,0	2 100,0	
	Nước uống	Người/ngày	40,0	70,0	2 800,0	



TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ (1.000 đồng)	KHỐI LƯỢNG	THÀNH TIỀN (1.000 đồng)	CĂN CỨ PHÁP LÝ ÁP DỤNG ĐỂ THANH TOÁN
	Vé máy bay khứ hồi cho giảng viên, báo cáo viên, ban tổ chức (Hà Nội - Miền Nam)	Người	7 200,0	4,0	28 800,0	Thông tư số 40/2017/TT- BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính về việc Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị
	Công tác phí (4 người * 3 ngày)	Người	200,0	12,0	2 400,0	
	Thuê phòng khách sạn cho giảng viên, báo cáo viên, ban tổ chức (2 đêm)	Phòng	1 000,0	6,0	6 000,0	
	Văn phòng phẩm	Bộ	30,0	70,0	2 100,0	
	Phương tiện di chuyển				2 000,0	Thanh toán theo hóa đơn thực tế
8	Triển khai điều tra				1 434 841,8	
8.1	In phiếu, danh sách đơn vị điều tra				301 000,0	
	In phiếu điều tra (dự kiến)	Phiếu	21,0	14 000,0	294 000,0	TT109/2016/TT-BTC Khoản 3 Điều 3
	In danh sách đơn vị điều tra (63 tỉnh) (dự kiến)				7 000,0	
8.2	Dự kiến vận chuyển phiếu điều tra (2 chiếc, 63 tỉnh)	<i>Theo thực tế</i>			50 000,0	TT109/2016/TT-BTC Khoản 8 Điều 3 - Thanh toán theo thực tế
8.3	Thực hiện điều tra				716 071,8	
	Lập danh sách đối tượng điều tra (20 doanh nghiệp/công nhưng không quá 30 công/SCT)	Ngày công	106,4	700,0	74 454,5	TT109/2016/TT-BTC - Khoản 5 Điều 3 - 10 ngày công/Sở Công Thương nhưng không vượt quá 30 công/Sở Công Thương
	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin	Phiếu	50,0	3 500,0	175 000,0	TT109/2016/TT-BTC Khoản 7 Điều 3
	Thuê điều tra viên thu thập số liệu (1 DN/công)	Ngày công	106,4	4 100,0	436 090,9	TT109/2016/TT-BTC Khoản 5 Điều 3
	Kiểm tra, đánh mã, làm sạch phiếu điều tra	Phiếu	7,4	4 100,0	30 526,4	TT109/2016/TT-BTC Khoản 9 Điều 3
8.4	Giám sát điều tra				148 800,0	
	Phụ cấp công tác phí (4 người x 12 tỉnh x 2 ngày/tỉnh)	Người	200,0	96,0	19 200,0	
	Lưu trú (4 người x 12 tỉnh x 1 đêm/tỉnh)	Phòng	1 000,0	48,0	48 000,0	Thông tư số 40/2017/TT- BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính về việc Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị
	Vé máy bay, thuê xe giám sát điều tra				81 600,0	
	+ Vé máy bay				51 600,0	
	Miễn Nam	Người	7 200,0	4,0	28 800,0	
	Miễn Trung	Người	5 700,0	4,0	22 800,0	
	+ Thuê xe, phương tiện đi làm việc	Ngày			30 000,0	TT109/2016/TT-BTC Khoản 12 Điều 3 - Thanh toán theo thực tế



TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ (1.000 đồng)	KHỐI LƯỢNG	THÀNH TIỀN (1.000 đồng)	CĂN CỨ PHÁP LÝ ÁP DỤNG ĐỂ THANH TOÁN
8.5	Nhập dữ liệu điều tra	Trang	11,7	8 200,0	95 940,0	TT số 194/2012/TT-BTC - Điều 4 Khoản 1b
8.6	Xử lý dữ liệu, tổng hợp số liệu (Dự kiến)	Trang	42,0	2 215,0	93 030,0	TT số 194/2012/TT-BTC - Điều 4 Khoản 2b
8.7	Phân tích, báo cáo kết quả điều tra	Hợp đồng	30 000,0	1,0	30 000,0	TT109/2016/TT-BTC - Khoản 8 Điều 3
9	Cập nhật kết quả điều tra Năng lực sản xuất của sản phẩm công nghiệp từ năm 2022 đến 2024 vào Cơ sở dữ liệu thống kê ngành Công Thương				158 280,0	
	Bảo trì, vận hành và duy trì hệ thống Cơ sở dữ liệu	Tháng	16 000,0	6,0	96 000,0	Theo thực tế thuê
	Cập nhật dữ liệu kết quả điều tra vào Cơ sở dữ liệu	Trường dữ liệu	0,5	138 400,0	62 280,0	Thông tư số 194/2012/TT-BTC - Khoản 1 Điều 2 và Khoản 1a Điều 4
10	Công bố kết quả điều tra				272 460,0	TT109/2016/TT-BTC - Khoản 3 Điều 3
10.1	Xuất bản ấn phẩm Kết quả điều tra thống kê quốc gia Năng lực sản xuất của một số sản phẩm công nghiệp giai đoạn 2022 - 2024	Ấn phẩm			204 960,0	
	+ Biên soạn ấn phẩm Kết quả điều tra	Hợp đồng	36 960,0	1,0	36 960,0	Khoản 3, Điều 13-14 Nghị định số 18/2014/NĐ-CP; khoản 3 (Sách kinh tế) và theo Dự thảo ND thay thế (tháng 11/2023)
	+ Xuất bản ấn phẩm Kết quả điều tra	Quyền	240,0	700,0	168 000,0	TT109/2016/TT-BTC Khoản 3 Điều 3
10.2	Hội nghị công bố kết quả điều tra				67 500,0	
	Báo cáo viên	Buổi	2 000,0	2,0	4 000,0	Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 về việc Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức
	Phụ cấp công tác phí (5 người x 2 ngày)	Người	200,0	10,0	2 000,0	
	Lưu trữ	Phòng	1 000,0	3,0	3 000,0	
	Vé máy bay khứ hồi cho báo cáo viên, ban tổ chức (Hà Nội - Miền Trung; 5 người)	Người	5 700,0	5,0	28 500,0	Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.
	Hội trường, trang trí hội trường	Người/buổi	20 000,0	1,0	20 000,0	
	Nước uống		40,0	100,0	4 000,0	
	Tài liệu	Bộ	30,0	100,0	3 000,0	
	Văn phòng phẩm		30,0	100,0	3 000,0	

TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ (1.000 đồng)	KHỐI LƯỢNG	THÀNH TIỀN (1.000 đồng)	CĂN CỨ PHÁP LÝ ÁP DỤNG ĐỂ THANH TOÁN
11	Thuế tư vấn đấu thầu 02 gói thầu: (1) In phiếu điều tra (dự kiến) và Xuất bản ấn phẩm Kết quả điều tra thống kê quốc gia Năng lực sản xuất của sản phẩm công nghiệp giai đoạn 2022 - 2024; (2) Sửa đổi phần mềm điều tra, Quản lý vận hành website điều tra và Vận hành, duy trì Cơ sở dữ liệu thống kê Ngành Công Thương				15 400,0	
11.1	Tư vấn lập E-HSMT, đánh giá E-HSDT	Gói thầu	5 500,0	2,0	11 000,0	Bộ chỉ cho thanh toán 5tr+10% VAT cho 1 thầu
11.2	Tư vấn thẩm định E-HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu	Gói thầu	2 200,0	2,0	4 400,0	Bộ chỉ cho thanh toán 2tr+10% VAT cho 1 thầu
12	Chi phí khác				123 932,6	
	Đăng báo đấu thầu				492,0	
	Văn phòng phẩm, làm thêm giờ (theo thực tế)				940,6	
	Chi phí hoạt động chung (điện, nước, điện thoại...)	Theo thực tế			122 500,0	

Bảng chữ: Hai tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng chẵn./.